



NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
BÙI XUÂN ANH – DƯƠNG THỊ THUÝ NGÀ – TRẦN VĂN THẮNG
HOÀNG THỊ THỊNH – HOÀNG THỊ THUẬN – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

7

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC (Tổng Chủ biên) – PHẠM VIỆT THẮNG (Chủ biên)
BÙI XUÂN ANH – DƯƠNG THỊ THUYẾT NGÀ
TRẦN VĂN THẮNG – HOÀNG THỊ THỊNH
HOÀNG THỊ THUẬN – MAI THU TRANG

Giáo dục công dân

Cánh Diều

7
Sách giáo viên



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



Lời nói đầu

Giáo dục công dân 7 – Sách giáo viên thuộc bộ sách Cánh Diều là tài liệu dành cho giáo viên trong dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Sách được thiết kế thành hai phần, trong đó phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề lí luận chung nhất cho việc dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7. Phần thứ hai gợi ý, hướng dẫn một cách cụ thể dạy học các bài trong sách giáo khoa Giáo dục công dân 7.

Phần thứ nhất: Một số vấn đề chung về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7

Phần này giới thiệu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở, bao gồm các phẩm chất và năng lực chung của giáo dục phổ thông và các năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân; nội dung chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7; tài liệu và phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7. Trong phần này, các phương pháp và kĩ thuật dạy học cùng nội dung đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân lớp 7 được đề cập một cách chi tiết, nhằm gợi ý giáo viên triển khai các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá định hướng phát triển năng lực học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Phần thứ hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể môn Giáo dục công dân lớp 7

Phần này hướng dẫn dạy học 12 bài trong sách giáo khoa Giáo dục công dân 7. Các bài học được thiết kế theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ở mỗi bài, sách hướng dẫn, gợi ý cụ thể cách thức, tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học, nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề bài học được quy định trong Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7.

Ở từng hoạt động dạy học, hướng dẫn về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; đưa ra câu trả lời cho mỗi câu hỏi trong sách giáo khoa, gợi ý kết luận của giáo viên đối với mỗi nội dung kiến thức cần được hình thành trong quá trình học sinh cùng nhau hợp tác xây dựng bài, cùng nhau khám phá để hình thành kiến thức mới dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên môn học.

Hวัง các thầy cô giáo dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7 sẽ đón nhận cuốn sách này như một tài liệu cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục công dân trong tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông.

Các tác giả

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

I – MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

1.1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân (GD CD), ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn GD CD ở cấp Trung học cơ sở (THCS) nhằm:

a) Giúp học sinh (HS) có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

b) Giúp HS có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng, phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

1.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

1.2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

Môn GD CD nhằm góp phần hình thành và phát triển cho HS năm phẩm chất chủ yếu, được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể: yêu

nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Năm phẩm chất này được thể hiện trong môn GD&CD ở THCS như sau:

a) Yêu nước

- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.
- Có ý thức tìm hiểu truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương.
- Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

b) Nhân ái

** Yêu quý mọi người*

- Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác.
- Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi;...
- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.

** Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người*

- Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác.
- Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác.
- Cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

c) Chăm chỉ

** Ham học*

- Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.
- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

** Chăm làm*

- Tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.
- Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp, cộng đồng.
- Có ý thức học tốt các môn học, các nội dung hướng nghiệp; có hiểu biết về một nghề phổ thông.

d) Trung thực

- Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm.
- Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.
- Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử.
- Không xâm phạm của công.
- Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

e) Trách nhiệm

** Có trách nhiệm với bản thân*

- Có thói quen giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe.
- Có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lý đồ dùng của bản thân.
- Có ý thức tiết kiệm thời gian; sử dụng thời gian hợp lý; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lý.
- Không đổ lỗi cho người khác; có ý thức và tìm cách khắc phục hậu quả do mình gây ra.

** Có trách nhiệm với gia đình*

- Quan tâm đến các công việc của gia đình.
- Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình.

** Có trách nhiệm với nhà trường và xã hội*

- Quan tâm đến các công việc của cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.
- Không đồng tình với những hành vi không phù hợp với nếp sống văn hoá và quy định ở nơi công cộng.
- Tham gia, kết nối Internet và mạng xã hội đúng quy định; không tiếp tay cho kẻ xấu phát tán thông tin ảnh hưởng đến danh dự của tổ chức, cá nhân hoặc ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá, trật tự an toàn xã hội.

** Có trách nhiệm với môi trường sống*

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.

– Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên; phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

– Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực

1.2.2.1. Các năng lực chung

Các năng lực chung là các năng lực được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Ba năng lực chung này được hiểu trong môn GDCD ở THCS như sau:

a) Năng lực tự chủ và tự học

** Tự lực*

Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

** Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng*

Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.

** Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình*

– Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi.

– Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy; không cổ vũ hoặc làm những việc xấu.

– Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động.

** Thích ứng với cuộc sống*

– Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

– Bình tĩnh trước những thay đổi bất ngờ của hoàn cảnh; kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định.

** Định hướng nghề nghiệp*

– Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân.

– Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

– Nắm được một số thông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành

ngành thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu; lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau THCS.

** Tự học, tự hoàn thiện*

– Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.

– Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khoá; ghi chú bài giảng của giáo viên (GV) theo các ý chính.

– Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV, bạn bè góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.

– Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.

b) Năng lực giao tiếp và hợp tác

** Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp*

– Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục đích trước khi giao tiếp.

– Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

– Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề đơn giản của đời sống, khoa học, nghệ thuật, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh.

– Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với biểu đồ, số liệu, công thức, kí hiệu, hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản về đời sống, khoa học nghệ thuật.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

** Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoà giải các mâu thuẫn*

– Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các thành viên của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...).

– Nhận biết được mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau; có thiện chí dàn xếp và biết cách dàn xếp mâu thuẫn.

** Xác định mục đích và phương thức hợp tác*

Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

** Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân*

– Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

– Đánh giá được nguyện vọng, khả năng của từng thành viên trong nhóm để đề xuất phương án tổ chức hoạt động hợp tác.

** Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác*

Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

** Tổ chức và thuyết phục người khác*

Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

** Đánh giá hoạt động hợp tác*

Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, của từng thành viên trong nhóm và của cả nhóm trong công việc.

** Hội nhập quốc tế*

– Có hiểu biết cơ bản về quan hệ giữa Việt Nam với một số nước trên thế giới và một số tổ chức quốc tế có quan hệ thường xuyên với Việt Nam.

– Biết tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

c) Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

** Nhận ra ý tưởng mới*

Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

** Phát hiện và làm rõ vấn đề*

Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.

** Hình thành và triển khai ý tưởng mới*

Phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác; hình thành ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; đề xuất giải pháp cải tiến hay thay

thể các giải pháp không còn phù hợp; so sánh và bình luận được về các giải pháp đề xuất.

** Đề xuất, lựa chọn giải pháp*

Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

** Thiết kế và tổ chức hoạt động*

– Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động phù hợp.

– Biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động.

– Đánh giá được sự phù hợp hay không phù hợp của kế hoạch, giải pháp và việc thực hiện kế hoạch, giải pháp.

** Tư duy độc lập*

Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

1.2.2.2. Các năng lực đặc thù của môn Giáo dục công dân

Các năng lực được hình thành, phát triển trong môn GDCCD (năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội) là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GDCCD quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với HS THCS như sau:

a) Năng lực điều chỉnh hành vi

** Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

** Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng của bản thân và nguyện vọng, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

** Điều chỉnh hành vi*

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lý.

b) Năng lực phát triển bản thân

** Tự nhận thức bản thân*

Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

** Lập kế hoạch phát triển bản thân*

– Xác định được lý tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

– Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau THCS với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

** Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

– Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

– Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

c) Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội

** Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

– Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

– Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

** Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

– Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

– Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

– Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

– Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

II – NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

2.1. Cấu trúc nội dung chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7

Nội dung chương trình môn GD CD lớp 7 nằm trong cấu trúc tổng thể của Chương trình môn GD CD ở THCS, tập trung vào 4 lĩnh vực: Giáo dục đạo đức, Giáo dục kĩ năng sống, Giáo dục kinh tế, Giáo dục pháp luật.

Giáo dục đạo đức gồm 5 chủ đề:

– Tự hào về truyền thống quê hương;

– Bảo tồn di sản văn hoá;

- Quan tâm, cảm thông và chia sẻ;
- Học tập tự giác, tích cực;
- Giữ chữ tín.

Thời lượng dành cho Giáo dục đạo đức là 35% tổng số tiết học.

Giáo dục kỹ năng sống gồm 2 chủ đề:

- Ứng phó với tâm lý căng thẳng;
- Phòng, chống bạo lực học đường.

Thời lượng dành cho Giáo dục kỹ năng sống là 25% tổng số tiết học.

Giáo dục kinh tế gồm 1 chủ đề: Quản lý tiền.

Thời lượng dành cho Giáo dục kinh tế là 10% tổng số tiết học.

Giáo dục pháp luật gồm 2 chủ đề:

- Phòng, chống tệ nạn xã hội;
- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

Thời lượng dành cho Giáo dục pháp luật là 20% tổng số tiết học.

Thời lượng còn lại 10% dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

2.2. Nội dung cụ thể của chương trình

Chủ đề	Bài học	Yêu cầu cần đạt
Tự hào về truyền thống quê hương	Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương (2 tiết)	– Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. – Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. – Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.
Bảo tồn di sản văn hoá	Bài 2. Bảo tồn di sản văn hoá (3 tiết)	– Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. – Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. – Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

		– Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. – Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.
Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	Bài 3. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ (3 tiết)	– Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. – Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. – Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. – Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.
Học tập tự giác, tích cực	Bài 4. Học tập tự giác, tích cực (2 tiết)	– Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. – Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực. – Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. – Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.
Giữ chữ tín	Bài 5. Giữ chữ tín (2 tiết)	– Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. – Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. – Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. – Phê phán những người không biết giữ chữ tín.
Quản lý tiền	Bài 6. Quản lý tiền (3 tiết)	– Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả. – Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả. – Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

Ứng phó với tâm lý căng thẳng	Bài 7. Ứng phó với tâm lý căng thẳng (3 tiết)	– Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. – Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. – Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. – Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.
Phòng, chống bạo lực học đường	Bài 8. Bạo lực học đường (2 tiết) Bài 9. Ứng phó với bạo lực học đường (2 tiết)	– Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. – Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. – Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không dễ bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.
Phòng, chống tệ nạn xã hội	Bài 10. Tệ nạn xã hội (3 tiết) Bài 11. Thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội (3 tiết)	– Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. – Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. – Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. – Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. – Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. – Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình (3 tiết)	– Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. – Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác. – Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.
---	---	--

III – TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

3.1. Sách và tài liệu

a) *Sách giáo khoa*

Sách giáo khoa (SGK) là tài liệu chính và quan trọng nhất của GV và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình giáo dục phổ thông.

SGK môn GDCC 7 được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GDCC, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, nên SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực đặc thù cũng như các năng lực chung của môn học.

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, gồm các phần:

Mở đầu: Nêu nhiệm vụ học tập; kiểm tra kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS liên quan đến bài học; tạo tâm thế cho HS chuẩn bị vào bài học mới.

Khám phá: HS được trải nghiệm để tự khám phá, phát hiện, tự hình thành kiến thức bài học cho mình. Nội dung phần khám phá gồm các thông tin, câu chuyện, tình huống, trường hợp, hình ảnh,... để HS trao đổi, thảo luận, suy nghĩ, từ đó hình thành nên kiến thức bài học.

Luyện tập: Gồm các bài tập tự luận, tình huống,... nhằm củng cố kiến thức cho HS theo các nội dung đã được thực hiện trong phần Khám phá; tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu

câu của mỗi bài học và môn học; đồng thời, rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: phân tích, nhận xét đánh giá, so sánh,...

Vận dụng: Là những bài tập để HS thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng bài học vào đời sống thực tiễn trong và ngoài giờ học, thông qua các bài tập, yêu cầu vận dụng.

b) Sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dành riêng cho GV, hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn GDCD lớp 7.

c) Các tài liệu khác

Ngoài SGK, SGV môn GDCD lớp 7 còn có một số sách bổ trợ, sách tham khảo khác thuộc bộ sách Cánh Diều, hỗ trợ GV và HS trong quá trình tổ chức dạy học. Các tài liệu này được biên soạn, xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực của việc dạy học môn GDCD lớp 7; giúp HS lớp 7 và GV thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng thiết kế các bài tập, hoạt động thực hành, bổ sung cho các bài tập, hoạt động thực hành trong SGK GDCD 7 Cánh Diều. HS có thể thực hiện các bài tập điền ngay vào sách, thay vì không được điền, viết vào SGK.

Sử dụng các tài liệu bổ trợ, tham khảo, HS sẽ được luyện tập nhiều hơn, qua đó củng cố nội dung bài học, nhất là HS được thực hành, vận dụng nhiều hơn vào thực tiễn cuộc sống.

3.2. Thiết bị, phương tiện dạy học

Dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực HS đòi hỏi phải tăng cường sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học, nhằm tạo nội dung, hình ảnh trực quan sinh động, tăng tính hấp dẫn, hứng thú cho HS khi tham gia vào bài học. Các thiết bị, phương tiện sử dụng trong giờ học GDCD có thể là:

- Tranh ảnh;
- Các bảng biểu, sơ đồ, mô hình;
- Máy trình chiếu, băng hình, video clip;
- Phiếu bài tập;
- Giấy khổ lớn;
- Đồ dùng để thực hiện trò chơi;
- ...

IV – PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

4.1. Các phương pháp dạy học

Có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong quá trình dạy học môn GDCCD lớp 7. Dưới đây là một số phương pháp dạy học phổ biến, có tác dụng phát huy tính tích cực học tập, giúp HS phát triển các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

4.1.1. Phương pháp làm việc nhóm

a) Đặc điểm

Phương pháp làm việc nhóm là phương pháp tổ chức cho HS hoạt động theo những nhóm nhỏ để HS cùng thực hiện một nhiệm vụ cụ thể trong một thời gian nhất định. Trong quá trình làm việc, có sự kết hợp giữa làm việc cá nhân với làm việc theo cặp, theo nhóm để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

– Phương pháp làm việc nhóm có tác dụng phát triển cho HS năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phê phán,...

b) Cách thực hiện

– GV nêu nhiệm vụ học tập hoặc vấn đề cần tìm hiểu và phương pháp học tập cho cả lớp.

– Chia HS thành các nhóm học tập và phân công vị trí làm việc cho các nhóm. Tùy theo nhiệm vụ, quy mô nhóm có thể khác nhau.

– Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm HS. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ riêng biệt trong gói nhiệm vụ chung hoặc tất cả các nhóm đều thực hiện cùng một nhiệm vụ. Cần quy định thời gian làm việc và sản phẩm cần đạt của mỗi nhóm.

– Hướng dẫn hoạt động của nhóm HS: Nhóm trưởng điều khiển hoạt động, HS làm việc cá nhân, theo cặp, theo nhóm, chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và thống nhất kết quả chung, thư kí ghi chép kết quả làm việc nhóm, phân công đại diện trình bày kết quả trước lớp.

– GV quan sát, hỗ trợ các nhóm thảo luận giải quyết nhiệm vụ được giao.

– Đại diện từng nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, chất vấn, bình luận và bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét và tổng kết.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy bài “Học tập tự giác, tích cực” ở mục 1, GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát 6 hình ảnh SGK trang 20, 21 để tìm ra biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

– Tổ chức cho HS làm việc nhóm theo các câu hỏi:

a) Em hãy phân tích thái độ và hành vi học tập của các bạn học sinh trong các hình ảnh trên và chỉ ra những biểu hiện của học tập tự giác, tích cực; những biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập.

b) Ngoài những biểu hiện trên, em còn biết những biểu hiện nào thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập?

d) Một số lưu ý

– Chỉ sử dụng phương pháp làm việc nhóm để giải quyết những nhiệm vụ học tập khó, đòi hỏi sự tham gia của nhiều thành viên.

– Có nhiều cách chia nhóm. Quy mô nhóm có thể lớn hoặc nhỏ, tùy theo điều kiện lớp học và tùy theo nhiệm vụ của nhóm. Không nên chia nhóm quá đông để tránh tình trạng một số HS ỷ lại, không tham gia hoạt động.

– Mỗi nhóm nên có một nhóm trưởng để điều khiển và một thư kí để ghi biên bản thảo luận nhóm. HS cần được luân phiên nhau làm “nhóm trưởng”, “thư kí” cũng như luân phiên đại diện cho nhóm để trình bày kết quả thảo luận.

– Nhiệm vụ giao cho nhóm HS phải phù hợp với chủ đề bài học, với khả năng của HS lớp 7, phù hợp với thời lượng và cơ sở vật chất, trang thiết bị của lớp học.

– Nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể giống hoặc khác nhau.

– Các thành viên trong nhóm phải nắm vững nhiệm vụ của nhóm và của bản thân. Mỗi cá nhân đều được phân công trách nhiệm thực hiện một phần của công việc và tích cực làm việc để đóng góp vào kết quả chung. Tránh tình trạng chỉ nhóm trưởng và thư kí làm việc.

– Khi trao đổi, chia sẻ, thảo luận nhóm, các thành viên đều phải tuân theo sự điều khiển của nhóm trưởng, lắng nghe ý kiến của bạn trong nhóm và mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng của bản thân.

– Cách trình bày kết quả hoạt động nhóm có thể theo nhiều hình thức (bằng lời, bằng tranh vẽ, bằng tiểu phẩm, bằng văn bản viết...; có thể do một người thay mặt nhóm trình bày hoặc có thể do nhiều người trình bày, mỗi người một đoạn nói tiếp nhau).

– GV phải theo dõi các nhóm HS hoạt động, khuyến khích và hỗ trợ các em khi cần thiết.

– HS cần được tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và đánh giá kết quả hoạt động của nhóm khác.

4.1.2. Phương pháp xử lý tình huống

a) Đặc điểm

Phương pháp xử lý tình huống là phương pháp tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

– Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

b) Cách thực hiện

– GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:

- + Tình huống xảy ra ở đâu?
- + Tình huống xảy ra khi nào?
- + Xảy ra với ai?
- + Vấn đề cần giải quyết là gì?

– GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:

- + Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra.
- + Liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có.
- + Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết.
- + So sánh kết quả các cách giải quyết.
- + Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.

– HS/các nhóm HS làm việc, thực hiện nhiệm vụ được giao.

– Một số HS/đại diện nhóm HS trình bày kết quả.

– GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy mục 2, bài 7 “Ứng phó với tâm lý căng thẳng”, GV có thể tổ chức cho HS xử lý tình huống sau:

T đặt mục tiêu giành cúp vô địch trong giải thi đấu bóng rổ, nhưng do không cẩn thận nên T bị chấn thương khi luyện tập. Phải nghỉ học, nghỉ thi đấu khiến cho T trở nên cáu kỉnh, bực bội. Cậu trách móc, đổ lỗi cho các bạn, quát mắng em vô cớ. Một lần, trong lúc tức giận, cậu ném quả bóng rổ không may trúng bóng đèn, nghe tiếng thủy tinh rơi loảng xoảng T òa khóc: “Sao mình đen đui như vậy?”.

Câu hỏi:

a) Theo em, nguyên nhân nào gây ra căng thẳng của bạn T?

b) Em hãy cho biết, sự căng thẳng của T đã ảnh hưởng như thế nào tới bản thân và những người xung quanh.

d) Một số lưu ý

– Các tình huống đưa ra để HS xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:

+ Phù hợp với chủ đề bài học GDGD.

+ Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 7 cả về độ khó và độ dài.

+ Gắn gũi với cuộc sống thực tế của HS lớp 7.

+ Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gọi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

– Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.

– HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.

– Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

– Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

4.1.3. Phương pháp giải quyết vấn đề

a) Đặc điểm

Phương pháp giải quyết vấn đề là phương pháp mà trong đó GV gợi mở để HS nêu lên một vấn đề, hoặc GV nêu lên một vấn đề có những mâu thuẫn của các hiện tượng đạo đức, pháp luật, kinh tế. GV giúp HS thảo luận, phân tích bản chất của vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân và tìm ra giải pháp, biện pháp giải quyết mâu thuẫn của vấn đề đặt ra.

Mỗi vấn đề đều có nhiều cách giải quyết khác nhau, GV cần giúp HS phân tích ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp để tìm ra cách giải quyết tối ưu.

b) Cách tiến hành

– Nêu vấn đề: Tại sao trong HS hiện nay có hiện tượng nghiện game?

– Đặt HS vào hoàn cảnh giải quyết: Giả sử trong gia đình em có anh hay em, hoặc trong lớp em có bạn nghiện game, em sẽ đề xuất giải pháp nào?

– Giúp HS tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng trên.

- Giúp HS nêu lên cách giải quyết vấn đề.
- Phân tích ưu, nhược điểm của các giải pháp.
- Quyết định chọn giải pháp tốt nhất.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 10 “Tệ nạn xã hội”, GV giao HS giải quyết vấn đề thông qua bài tập 3, SGK trang 54 trong phần Luyện tập:

Gia đình M sống ở một vùng quê nên còn nhiều khó khăn. Mỗi lần các em của M bị ốm, bố mẹ không đưa đến trạm y tế xã mà lại mời thầy cúng đến nhà làm lễ mong cho các em khỏi bệnh.

Câu hỏi: Nếu là M, em sẽ làm gì để ngăn cản hành vi của bố mẹ?

d) Một số lưu ý

- Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu và gần với thực tế.
- Phải phát huy được tính độc lập, sáng tạo của HS.
- Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp hợp lý nhất.

4.1.4. Phương pháp đóng vai

a) Đặc điểm

Phương pháp đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

b) Cách thực hiện

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.
- GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

– GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 4 “Học tập tự giác, tích cực” có thể tổ chức cho HS đóng vai ứng xử trong các tình huống sau:

Cuối tuần, H đang ngồi làm bài tập trong sách nâng cao thì A đến rủ đi chơi. H từ chối không đi, A liền nói: “Tớ chỉ làm bài tập dễ thôi, còn bài tập khó, nâng cao cô có yêu cầu làm đâu. Đi chơi điện tử với tớ đi.”

Câu hỏi:

a) Em có nhận xét gì về ý thức học tập của H và A?

b) Nếu là H, em sẽ góp ý với A như thế nào?

d) Một số lưu ý

– Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 7 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

– Tình huống không nên quá dài và phức tạp.

– Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.

– Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.

– Phải dành thời gian phù hợp đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

– Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

– Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

– Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

4.1.5. Phương pháp tổ chức trò chơi

a) Đặc điểm

Phương pháp tổ chức trò chơi là phương pháp dạy học mà trong đó GV tổ chức cho HS tìm hiểu những vấn đề hay thể nghiệm những hành động, thái độ, việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

Phương pháp tổ chức trò chơi rất có hiệu quả trong dạy học môn GDCD, thông qua đó HS sẽ:

– Có cơ hội để thể nghiệm những thái độ, hành vi tích cực của HS, qua đó hình thành được ở các em niềm tin vào những thái độ, hành vi tích cực, tạo ra động cơ bên trong cho những hành vi ứng xử trong cuộc sống.

– Được rèn luyện kĩ năng ra quyết định, lựa chọn cho mình cách ứng xử đúng đắn, phù hợp trong tình huống.

– Được hình thành năng lực quan sát, kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi.

– Được lĩnh hội các kiến thức, kĩ năng đạo đức và pháp luật một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, sinh động; tạo hứng thú cho HS, giải trừ được những mệt mỏi, căng thẳng trong học tập.

– Được tăng cường tương tác giữa thầy cô giáo với HS và HS với nhau trong quá trình học tập.

b) Cách thực hiện

– GV phổ biến đề HS nắm được tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, thời gian, địa điểm chơi và một số yêu cầu cụ thể khác, nếu có.

– Tổ chức cho HS chơi thử, nếu cần thiết.

– Tổ chức cho HS tiến hành chơi thật.

– Sau khi trò chơi kết thúc, GV cùng HS tổng kết, đánh giá kết quả, xác định thứ hạng các đội chơi.

– Thảo luận về ý nghĩa của trò chơi, liên hệ trò chơi với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra ban đầu.

c) Ví dụ minh họa

– Khi dạy bài 3 “Quan tâm, cảm thông và chia sẻ”, GV có thể tổ chức cho HS trò chơi “Bạn ấy là ai?” cho cả lớp để đoán tên các bạn trong lớp qua các thông tin gợi ý về sở thích, thói quen, năng khiếu, tính cách,... Vì sao em đoán được người bạn đó, trước khi vào bài học mới.

d) Một số lưu ý

– Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ HS lớp 7, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho HS.

– Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi và các yêu cầu cần thiết khác cho HS trước khi chơi.

– HS phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.

– Trong quá trình chơi, HS có thể ồn ào, làm ảnh hưởng đến các lớp khác. Do vậy, GV cần nêu rõ yêu cầu giữ trật tự với HS trước khi chơi hoặc tổ chức cho HS chơi ở ngoài sân trường, tránh xa khu vực các lớp khác đang học.

– Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, tạo điều kiện cho HS tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

– Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lí để không gây nhàm chán cho HS.

– Sau khi chơi, GV cần tổ chức cho HS thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi, liên hệ với nội dung bài học và mục tiêu đặt ra.

4.1.6. Phương pháp dự án

a) Đặc điểm

Phương pháp dự án là phương pháp trong đó HS tự thiết kế các kế hoạch rèn luyện, học tập từ đơn giản đến phức tạp để HS chủ động tự hoàn thiện bản thân và rèn luyện các kĩ năng ứng xử cùng các kĩ năng khác nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Thông qua phương pháp dự án, HS được thực hành ngay những kiến thức, kĩ năng đã học, có cơ hội để rèn luyện các kĩ năng giao tiếp, quyết định, giải quyết vấn đề, nhận xét đánh giá.

b) Cách thực hiện

Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án.

– Xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án:

+ Đối tượng của dự án.

+ Những việc cần làm.

+ Thời gian dự kiến.

+ Người phụ trách mỗi công việc; người phối hợp.

+ Các bước thực hiện dự án.

– Triển khai thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc thảo kế hoạch đã đề ra cho cả nhóm và cho mỗi cá nhân.

– Đánh giá dự án:

+ Đánh giá quá trình thực hiện.

+ Kết quả đạt được.

+ Rút kinh nghiệm.

c) Ví dụ minh họa

Khi dạy bài 4 “Học tập tự giác, tích cực”, GV có thể giao HS lập dự án để rèn luyện tính tự giác, tích cực trong học tập theo gợi ý sau:

– Xác định mục tiêu của kế hoạch (mục tiêu học tập dài hạn có định hướng nghề nghiệp tương lai).

– Lập kế hoạch thực hiện và liệt kê những việc làm cụ thể để đạt được mục tiêu đó.

– Thực hiện theo kế hoạch và thường xuyên đánh giá quá trình thực hiện để có thể điều chỉnh kế hoạch một cách phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

d) Một số lưu ý

– Nội dung dự án phải phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và điều kiện thực hiện của HS.

– Mục đích dự án phải rõ ràng và có tính thực tiễn, tính khả thi.

– Cần tạo cơ hội để thu hút sự tham gia của HS trong dự án.

– Vấn đề đặt ra để HS thiết kế dự án phải rõ ràng, tránh những vấn đề quá phức tạp.

– Phải quy định thời hạn hoàn thành dự án.

– Nên để HS tự thiết kế, sau đó trao đổi trong nhóm để rút kinh nghiệm, bổ sung cho nhau, tạo thành bản thiết kế tốt nhất.

– Các nhóm báo cáo việc thực hiện dự án trước lớp.

4.2. Các kĩ thuật dạy học

Kĩ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của GV và HS nhằm thực hiện một hoạt động cụ thể trong quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học.

Có nhiều kĩ thuật dạy học khác nhau áp dụng cho các môn học. Trong môn GD CD ở THCS, có thể áp dụng các kĩ thuật dạy học tích cực sau đây:

4.2.1. Kĩ thuật “Động não”

a) Đặc điểm

Động não (cộng não) là một kĩ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lốc” các ý tưởng).

b) Quy tắc của động não

– Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên.

– Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày.

– Khuyến khích số lượng các ý tưởng.

– Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

c) Cách thực hiện

– Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề.

– Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: Trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.

– Kết thúc việc đưa ra ý kiến.

d) Đánh giá

– Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng: Có thể ứng dụng trực tiếp; có thể ứng dụng gián tiếp nhưng cần nghiên cứu thêm; không có khả năng ứng dụng.

– Lựa chọn, đánh giá những ý kiến đó.

– Rút ra kết luận hành động.

4.2.2. Kỹ thuật “Khăn trải bàn”

a) Đặc điểm

Kỹ thuật “Khăn trải bàn” là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

– Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.

– Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS.

– Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS.

b) Cách thực hiện

– Hoạt động theo nhóm (4 – 6 người/nhóm, có thể nhiều hơn).

– Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa.

– Tập trung vào câu hỏi (hoặc nội dung,...).

– Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về nội dung,...).

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng ít phút.

– Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời.

– Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

4.2.3. Kỹ thuật “Các mảnh ghép”

a) Đặc điểm

Kỹ thuật “Các mảnh ghép” là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

– Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề, nội dung).

– Kích thích sự tham gia tích cực của HS.

– Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2).

b) Cách thực hiện

* Vòng 1: Nhóm chuyên gia

– Hoạt động theo nhóm 3 – 8 người.

– Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ. Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C;... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ).

– Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

– Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.

* Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

– Hình thành nhóm 3 – 6 người mới (1 – 2 người từ nhóm 1; 1 – 2 người từ nhóm 2; 1 – 2 người từ nhóm 3,...).

– Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

– Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả chủ đề, nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

– Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.

4.2.4. Kỹ thuật “Bể cá”

a) Đặc điểm

Kỹ thuật “Bể cá” là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận.

b) Cách thực hiện

Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo

luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

Bảng câu hỏi dành cho những người quan sát:

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không?
- Họ có đề những người khác nói hay không?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?
- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

4.2.5. Kỹ thuật 321

a) Đặc điểm

321 là một kỹ thuật lấy thông tin phản hồi nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS.

b) Cách thực hiện

– HS được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về một vấn đề nào đó (nội dung kiến thức về một chủ đề, phương pháp GV dạy học, phương pháp báo cáo của một nhóm,...).

– Mỗi người/nhóm cần viết ra: 3 điều tốt – cá nhân/nhóm tâm đắc; 2 điều chưa tốt; 1 đề nghị chỉnh sửa.

– Sau khi thu thập ý kiến thì xử lý và thảo luận về các ý kiến phản hồi.

4.2.6. Kỹ thuật XYZ (Kỹ thuật 365)

a) Đặc điểm

Kỹ thuật “XYZ” (còn gọi là kỹ thuật 365) là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là số phút dành cho mỗi người.

b) Cách thực hiện

Kỹ thuật này cần 6 người mỗi nhóm, mỗi người sẽ viết ra 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết một vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh. Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác.

– GV chia nhóm và đưa ra chủ đề cho nhóm, quy định số lượng ý tưởng và thời gian theo đúng quy tắc XYZ. Con số X-Y-Z có thể thay đổi.

– Các thành viên trong nhóm trình bày ý kiến của mình, hoặc đưa ý kiến cho thư kí tổng hợp lại để tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến và lựa chọn.

V – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS đối với các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có môn GDCD, thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, được áp dụng theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để: HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập; cán bộ quản lý giáo dục và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

5.2. Căn cứ đánh giá

Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, theo các mức độ phù hợp với môn GDCD và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn GDCD ở mỗi cấp học, lớp học.

5.3. Yêu cầu đánh giá

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDCD cho HS. Việc đánh giá kết quả học tập môn GDCD theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của kiểm tra, đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học và khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu.

Đánh giá kết quả giáo dục phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1/ Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của Chương trình để kiểm tra, đánh giá.

2/ Đảm bảo tính chính xác, công bằng, toàn diện, khách quan.

3/ Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn đời sống, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực.

Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

4/ Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh học sinh và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

5/ Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.4. Hình thức đánh giá

Môn GDCD thực hiện đánh giá bằng hình thức nhận xét và bằng điểm số.

** Đánh giá bằng nhận xét*

– GV đánh giá: Nói hoặc viết để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong học tập và rèn luyện; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– HS đánh giá: Nói hoặc viết để tự nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập; sự tiến bộ; ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

– Cha mẹ học sinh, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện, học tập của HS.

– Được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

* *Đánh giá bằng điểm số*

Được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì, thông qua hình thức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện, học tập của HS.

– Đánh giá thường xuyên:

+ Hình thức: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, báo cáo kết quả dự án, kết quả thực hành vận dụng bài học, trình bày sản phẩm học tập,...

+ Số lần: 2 lần/học kì.

– Đánh giá định kì:

+ Số lần: 4 lần/năm học.

Bài kiểm tra dựa trên ma trận, bản đặc tả của đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của môn học. Mỗi học kì có 1 điểm đánh giá giữa kì và 1 điểm đánh giá cuối kì.



HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

BÀI 1

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

HS được phát triển các năng lực:

– *Giao tiếp và hợp tác*: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

– *Điều chỉnh hành vi*:

+ Đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; biết cách bày tỏ thái độ phê phán với những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

+ Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– *Phát triển bản thân*: Lập kế hoạch thực hiện một việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập.

2. Về phẩm chất

Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu về truyền thống của quê hương. Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội quy khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Giáo dục công dân 7.

– Máy chiếu, bảng phụ, giấy A4, giấy A3; bút viết bảng.

– Bài hát về chủ đề truyền thống quê hương (Ví dụ: bài hát *Việt Nam ơi*, sáng tác: Minh Beta), Phiếu bài tập (Phụ lục).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



MỞ ĐẦU

Gợi ý: Ở phần mở đầu, dựa vào thiết kế “ô chữ” trong SGK, điều kiện lớp học, đối tượng HS, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động mở đầu như: Hỏi đáp, Giải đố ô chữ, Khám phá ô chữ, trò chơi “Ai nhanh hơn”, trò chơi “Tiếp sức”, trò chơi “Đoán ý đồng đội”,... GV cũng có thể thay thế “Khám phá ô chữ” bằng một hoạt động mở đầu khác (Ví dụ: Xem video và trả lời câu hỏi theo đường link: <https://vtv.vn/video/ca-nuoc-doan-ket-chong-dich-covid-19...>).

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức hoạt động Khởi động.

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu huy động được kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm của mình để tìm ra những từ và cụm từ nói về truyền thống của quê hương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giới thiệu trò chơi “Khám phá ô chữ”, SGK trang 5, chia lớp thành 4 hoặc 6 đội, phát cho mỗi đội 1 bảng phụ, bút viết bảng (hoặc giấy A3); giao nhiệm vụ cho các đội: *Trong thời gian 3 phút, ghép các chữ cái đứng liền nhau trong ô chữ thành các từ/cụm từ có nghĩa và viết nhanh vào bảng phụ/giấy A3. Hết thời gian, đội nào viết được nhiều từ/cụm từ có nghĩa sẽ là đội thắng cuộc.*

– HS thực hiện trò chơi (trên nền nhạc bài hát *Việt Nam ơi*), mỗi đội cử 1 HS làm thư kí ghi nhanh các từ đồng đội tìm được vào bảng phụ.

– GV quan sát HS thực hiện trò chơi, xác định đội có kết quả tốt nhất (tinh thần đồng đội và tìm được nhiều từ đúng trong thời gian ngắn).

Sản phẩm: Các từ tìm được: yêu nước, kiên cường, lạc quan, giản dị, hiếu thảo, hiếu học, an nhân, quê hương em, truyền thống, cần cù, trung thực, dũng cảm,...

– GV chọn đội có kết quả tốt nhất trình bày cảm nhận khi là đội thắng cuộc và bí quyết để tìm được nhiều câu trả lời đúng.

– GV tiếp tục hỏi: *Trong số những từ tìm được, từ nào thể hiện truyền thống quê hương? Hãy nói những điều em biết về truyền thống đó.*

– HS trả lời các câu hỏi (2 – 3 HS).

– GV kết luận: Trong số những từ/cụm từ tìm được, có những từ nói về truyền thống tốt đẹp của quê hương, vậy quê hương em có những truyền thống tốt đẹp nào? Làm thế nào để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó? Chúng ta sẽ giải quyết những câu hỏi này ở các hoạt động tiếp theo.



KHÁM PHÁ

Gợi ý: Với các hoạt động ở phần Khám phá, từ những ngữ liệu trong SGK, GV có thể thiết kế thành một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để hướng dẫn HS chiếm lĩnh từng đơn vị kiến thức với các phương pháp dạy học khác nhau như: thảo luận theo nhóm, làm việc theo cặp, trực quan, dự án, đóng vai,... Ở mục 1, GV có thể sử dụng các hình ảnh như trong SGK hoặc các hình ảnh tương tự nhưng gắn với truyền thống cụ thể của địa phương để thay thế. Có thể tổ chức làm việc theo nhóm cặp đôi thay cho thảo luận nhóm 4 hoặc 6; có thể thiết kế Phiếu bài tập theo cấu trúc: hình ảnh, mô tả hình ảnh, tên truyền thống, ý nghĩa,... Với mục 2, GV có thể sử dụng các phương pháp dạy học như đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình, nêu gương, kể chuyện, thảo luận, các kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật 321, bể cá,... để thiết kế và tổ chức thực hiện.

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Khám phá.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số truyền thống tốt đẹp của quê hương

a) Mục tiêu

HS biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương mình.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS quan sát các tranh trong SGK trang 5, 6 hoặc chiếu trên màn hình các hình ảnh trong SGK (GV có thể sưu tầm các hình ảnh khác phù hợp với địa phương), chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Tự quan sát 6 hình ảnh trong SGK trang 5, 6, ghi vào vở nháp/giấy A4 những mô tả cho từng hình ảnh.

+ Thảo luận theo nhóm 3 câu hỏi trong SGK.

+ Ghi vào bảng nhóm/giấy A4 câu trả lời cho từng câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân tìm các chi tiết trong từng tranh, trong thông tin liên quan đến các câu hỏi và ghi vào giấy nháp/giấy A4. Trao đổi, thảo luận trong nhóm (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn). Ghi câu trả lời đã thống nhất vào bảng nhóm/giấy A3.

– GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, phát hiện nhóm khi thảo luận có nhiều ý kiến trái chiều, phát hiện có kết quả không giống nhau.

Sản phẩm:

+ (a) Hình 1: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm; Hình 2: Truyền thống đoàn kết, chia sẻ; Hình 3: Cần cù lao động; Hình 4: Truyền thống tôn sư trọng đạo; Hình 5, 6: Các truyền thống văn hoá.

+ (b) Những truyền thống này được biểu hiện cụ thể ở quê hương. Ví dụ: Truyền thống yêu nước gắn với những di tích, sự kiện nào của quê hương; cần cù lao động thể hiện ở sự phát triển của các ngành nghề, làng nghề ở quê hương; truyền thống văn hoá thể hiện ở các lễ hội, phong tục, loại hình nghệ thuật,... HS nói được từng truyền thống tốt đẹp của quê hương mình.

+ (c) Truyền thống tốt đẹp của quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng, miền, địa phương được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

– HS treo bảng ghi kết quả vào vị trí của nhóm, cử đại diện của nhóm giới thiệu sản phẩm và trả lời câu hỏi (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– HS nhận xét (sử dụng kĩ thuật 321) thảo luận theo lớp những nội dung chưa thống nhất giữa các nhóm.

– GV tiếp tục nêu câu hỏi mở rộng: Ngoài những truyền thống vừa tìm được, em còn biết đến những truyền thống tốt đẹp nào của quê hương mình?

– GV mời 3 – 5 HS đứng tại chỗ trả lời nhanh các câu hỏi, GV ghi nhanh câu trả lời lên bảng và gợi ý cho HS thảo luận về những truyền thống vừa kể thêm.

– GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HS để nhận xét, đánh giá quá trình HS thực hiện nhiệm vụ. Hướng dẫn HS kết luận (có thể ghi kết luận vào vở) theo SGK trang 6.

Hoạt động 3. Tìm hiểu về giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

a) Mục tiêu

HS đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; biết cách bày tỏ thái độ phê phán với những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS quan sát SGK trang 6, 7 và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện những nội dung sau:

+ Đọc thông tin trong SGK trang 6 để xác định những truyền thống tốt đẹp được thể hiện trong thông tin và ý nghĩa của những truyền thống đó (ghi câu trả lời vào giấy A4).

+ Đọc các trường hợp 1, 2, 3 và trả lời 3 câu hỏi trong SGK trang 7.

+ Làm việc theo nhóm dựa vào câu trả lời của các thành viên để xây dựng kịch bản đóng vai. Bao gồm: tuyển nhân vật, viết lời thoại; nội dung kịch bản (tập trung vào cách thể hiện sự đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và cách bày tỏ thái độ không đồng tình, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương); phân công vai diễn cho từng thành viên trong nhóm và đóng vai theo kịch bản.

– HS thực hiện nhiệm vụ: ghi ý kiến cá nhân vào vở nháp/giấy A4 câu trả lời cho các thông tin và thảo luận nhóm để xây dựng kịch bản, chuẩn bị đóng vai.

– GV quan sát HS làm việc, động viên những nhóm có kịch bản tốt, HS thảo luận có nhiều ý tưởng hay và giúp đỡ nhóm kịch bản còn sơ sài, thiếu ý tưởng.

Sản phẩm:

– Thông tin: Truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, yêu thương con người, cảm thông chia sẻ,... giúp người dân vượt qua khó khăn để chống lại thiên tai, dịch bệnh,...

– Các trường hợp:

+ (a) Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Truyền thống thống lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, uống nước nhớ nguồn, cảm thông và chia sẻ,... bằng những hành động cụ thể như: tôn trọng và biết ơn người có công; tuyên truyền, giới thiệu về truyền thống của quê hương; tích cực, chủ động tìm hiểu về truyền thống quê hương; tham gia các hoạt động nhân đạo, thiện nguyện, giúp đỡ những người gặp khó khăn,...

+ (b) Không đồng ý với anh Q, vì anh có thái độ và hành động gây tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương như: phủ nhận giá trị văn hoá, loại hình nghệ thuật của quê hương; ngăn cản người khác thực hiện việc giữ gìn truyền thống quê hương,...

+ (c) Những việc em có thể làm để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương: tích cực tìm hiểu về truyền thống; ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống quê hương; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học tập, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện; tuyên truyền, quảng bá về truyền thống quê hương;...

– GV mời 1 – 2 nhóm thực hiện phần đóng vai trước lớp.

– HS lần lượt thực hiện phần đóng vai, HS các nhóm khác quan sát, lắng nghe, ghi chép và nhận xét.

– GV dựa trên phân sản phẩm đóng vai và kết quả thảo luận để bổ sung, phân tích thêm những hành động, việc làm HS cần thực hiện (tập trung nhận xét cách HS bày tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ và cách thể hiện thái độ, cách phê phán,...). Hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 7 (có thể ghi kết luận vào vở).



LUYỆN TẬP

Gợi ý: Phần Luyện tập có thể được thiết kế và tổ chức với nhiều cách khác nhau như: chia thành các hoạt động nhỏ tương ứng với các hoạt động ở phần hình thành kiến thức theo nghĩa học đến đâu thực hành đến đó, bài 2 tiết thì mỗi tiết đều có hình thành kiến thức, kĩ năng và luyện tập để củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng vừa chiếm lĩnh được. GV cũng có thể tổ chức thành một hoạt động độc lập dưới hình thức “Sân khấu hoá” (Ví dụ: Cấu trúc các bài tập thành các phần thi: phần thi “Hiểu biết kiến thức” (bài tập 1, 2); phần thi “Xử lí tình huống” (bài tập 3); phần thi “Hùng biện” (tự chọn). Chia lớp thành các đội chơi có người dẫn chương trình, thư kí,...), hoặc dựa vào các bài luyện tập 1, 2, 3 để xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và sử dụng các phần mềm Quizizz; Kahoot tổ chức cho HS luyện tập,...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Luyện tập.

Hoạt động 4. Rèn luyện cách giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

a) Mục tiêu

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Có ý thức tìm hiểu về truyền thống của quê hương. Quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội quy khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV phát Phiếu bài tập (theo Phụ lục) và giao nhiệm vụ cho HS theo nội dung sau:

+ Thảo luận cặp đôi để hoàn thành Phiếu bài tập (sử dụng các bài luyện tập 1, 2, 3 trong SGK trang 8).

+ Dựa vào bài tập 3 trong Phiếu bài tập để thực hành đóng vai theo cặp nhằm rèn luyện các cách giữ gìn truyền thống quê hương.

- HS thực hiện nhiệm vụ: Trao đổi nhóm đôi để hoàn thành Phiếu bài tập.
- GV quan sát HS làm việc, tìm ra những nhóm học sinh có bài giới thiệu độc đáo và kịp thời giúp đỡ những nhóm HS yếu kém.

Sản phẩm: Hoàn thành Phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Viết tên những truyền thống tốt đẹp của quê hương vào cột 1 và những việc cần làm để giữ gìn, phát huy truyền thống đó vào cột 2.

(1)	(2)
Cần cù lao động	Chăm học, chăm làm việc nhà, giúp đỡ bố mẹ, quý trọng lao động, giữ gìn tài sản, tiết kiệm.
Uống nước nhớ nguồn	Biết ơn người có công, thầy cô, cha mẹ; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện,...
Lễ hội truyền thống	Tuyên truyền, quảng bá với bạn bè, mọi người,...
Nghề truyền thống	Học nghề, bảo vệ và phát triển nghề, giới thiệu cho mọi người biết về nghề,...

Bài 2. Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ, việc làm nào dưới đây? Vì sao?

(Đánh dấu X vào ô em lựa chọn)

Thái độ, việc làm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích vì sao
A. Giữ gìn mọi phong tục, tập quán, thói quen của quê hương mình.	X		Hiểu biết hơn về truyền thống để có cách giữ gìn.
B. Giới thiệu với mọi người về lễ hội truyền thống của quê mình.	X		Thể hiện niềm tự hào để ai cũng biết đến quê mình.
C. Không quan tâm đến truyền thống tốt đẹp của những vùng miền, địa phương khác.		X	Hành động đi ngược với giữ gìn truyền thống.

D. Tích cực học tập và tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.	X	Trách nhiệm phát huy truyền thống quê hương.
E. Giữ gìn và bảo vệ môi trường ở nhà, ở trường và nơi công cộng.	X	Góp phần làm cho quê hương thêm tươi đẹp.

Bài 3. Xử lý tình huống

Tình huống	Cách xử lý
Qua lời kể của ông nội, S được biết đến phong trào “Ba sẵn sàng” và rất tự hào về tinh thần sẵn sàng khi Tổ quốc cần, dù trong thời chiến hay thời bình của người dân quê hương mình. Nhưng mấy hôm trước, anh trai của S nhận được lệnh gọi nhập ngũ, S thấy anh có vẻ do dự, tâm trạng nặng nề không vui. S rất muốn nói những suy nghĩ của mình với anh trai. a) Em hãy nhận xét suy nghĩ của S. b) Nếu là S, em sẽ nói như thế nào với anh trai của mình?	– S là người có suy nghĩ và mong muốn đúng đắn, thể hiện được niềm tự hào của bản thân về truyền thống quê hương. – Ủng hộ, đồng tình với S. – Tìm hiểu nguyên nhân khiến anh trai có tâm trạng do dự, nặng nề. Trực tiếp nói với anh suy nghĩ của mình, khuyên anh vui vẻ nhận nhiệm vụ, sẵn sàng thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự,...

– GV mời 2 – 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập 1, 2 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

– GV mời 2 cặp HS có kết quả khác nhau ghi kết quả bài tập 3 lên bảng, tổ chức cho HS nhận xét, thống nhất về nội dung, cách làm.

– GV hướng dẫn các cặp HS thực hành đóng vai theo bài tập 3: HS 1 vào vai người khuyên, HS 2 trả lời; đổi vai HS 2 vai người khuyên, HS 1 trả lời. GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau đóng vai.

– GV dựa vào sản phẩm có được từ Phiếu bài tập và kết quả quan sát phân thực hành đóng vai để phân tích thêm và đưa ra kết luận:

+ HS cần tôn trọng, học hỏi những người biết tự hào, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

+ Chăm chỉ học tập, điều chỉnh hành vi cá nhân, tích cực tham gia các hoạt động góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, quảng bá, giới thiệu về quê hương và truyền thống tốt đẹp của quê hương mình.

+ Kiên quyết phê phán những thái độ, hành vi, việc làm đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của quê hương và tuyên truyền để mọi người hiểu được điều này.

VẬN DỤNG

Gợi ý: Phần Vận dụng chủ yếu được thiết kế để HS thực hiện ở nhà. Trong bài này, dựa vào phần Vận dụng trong SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện Vận dụng 1 ngay tại lớp, định hướng cho HS trải nghiệm bằng cách thi viết thông điệp, sau đó tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm để HS thực hiện Vận dụng 2 ở nhà được tốt hơn. Hoặc GV có thể cho HS thực hiện cả Vận dụng 1, 2 ở nhà và báo cáo kết quả trong giờ sinh hoạt lớp kết hợp với Hoạt động trải nghiệm (loại hình sinh hoạt lớp). Với Vận dụng 1, GV có thể thay viết thông điệp bằng sưu tầm ca dao, tục ngữ hoặc viết bài giới thiệu về truyền thống lao động cần cù hoặc các truyền thống nổi bật khác của quê hương. Với Vận dụng 2, GV có thể thay thiết kế tập san bằng chọn một truyền thống nổi bật của quê hương và lập kế hoạch để giữ gìn truyền thống đó với những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Vận dụng.

Hoạt động 5. Thực hiện giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương

a) Mục tiêu

Lập kế hoạch thực hiện một việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập, thông qua viết thông điệp và thiết kế tập san theo chủ đề “Tự hào truyền thống quê em”.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1:

– GV phát cho mỗi HS 1 tờ bìa màu, mỗi nhóm 1 bút dạ, kéo, băng dính 2 mặt và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện Vận dụng 1 tại lớp với nội dung:

+ Mỗi HS viết vào thẻ màu 1 thông điệp thể hiện niềm tự hào về truyền thống cần cù, sáng tạo của người dân quê hương mình (yêu cầu thông điệp đúng chủ đề, ngắn gọn, sáng tạo, có tính tác động và lan tỏa tới mọi người).

+ Tổ chức cho HS bình chọn thông điệp hay, ấn tượng và thuyết trình trước lớp.

– HS thiết kế thông điệp (cắt bìa theo hình tùy chọn, viết thông điệp), gắn thông điệp vào bảng nhóm. Nhóm trưởng treo bảng nhóm vào vị trí.

Sản phẩm: Thông điệp và bài thuyết trình theo thông điệp.

– GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh tổ chức cho HS bình chọn ra khoảng 5 – 7

thông điệp hay và ấn tượng. HS có thông điệp được bình chọn sẽ thuyết trình thông điệp trước lớp. Lớp bình chọn để chọn ra các thông điệp hay, thuyết trình tốt để trao giải nhất, nhì, ba.

Vận dụng 2:

– GV hướng dẫn HS lập kế hoạch thiết kế tập san (thực hiện trên lớp) và thực hiện theo kế hoạch (thực hiện ở nhà) với các công việc cụ thể như sau:

+ *Lập kế hoạch:* Tạo nhóm, thống nhất ý tưởng (tên tập san, hình thức và bố cục trình bày), liệt kê các công việc cần làm (sưu tầm tư liệu, hình ảnh,...); phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thời gian hoàn thành.

+ *Thực hiện:* Thiết kế tập san (chú ý đến các tiêu chí: hình thức, nội dung, sự sáng tạo, tác động và hiệu quả lan toả, sự phối hợp của các thành viên,...).

– HS thực hiện theo kế hoạch đã lập. GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bản kế hoạch; sổ ghi chép của nhóm; tiến trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả của các thành viên; tập san.

– HS chia sẻ kết quả về quá trình thực hiện kế hoạch với các bạn trong lớp theo định kì 2 tuần/1 lần (có thể trong giờ GD CD hoặc giờ học nội dung giáo dục địa phương, hoặc giờ sinh hoạt lớp theo chủ đề).

– GV tổ chức giới thiệu, bình chọn tập san có nội dung, hình thức, chủ đề đạt được mục tiêu tuyên truyền, giới thiệu về truyền thống của quê hương. Hướng sử dụng tập san để lan toả những hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương.

Tổng kết bài học: GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

PHỤ LỤC

PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Viết tên những truyền thống tốt đẹp của quê hương vào cột 1 và những việc cần làm để giữ gìn, phát huy truyền thống đó vào cột 2.

(1)	(2)
1.	
2.	

3.

.....

Bài 2. Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ, việc làm nào dưới đây?
Vì sao?

(Đánh dấu X vào ô em lựa chọn)

Thái độ, việc làm	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích vì sao
A. Giữ gìn mọi phong tục, tập quán, thói quen của quê hương mình.			
B. Giới thiệu với mọi người về lễ hội truyền thống của quê mình.			
C. Không quan tâm đến truyền thống tốt đẹp của những vùng, miền, địa phương khác.			
D. Tích cực học tập và tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.			
E. Giữ gìn và bảo vệ môi trường ở nhà, ở trường và nơi công cộng.			

Bài 3. Xử lý tình huống

Tình huống	Cách xử lý
Qua lời kể của ông nội, S được biết đến phong trào “Ba sẵn sàng” và rất tự hào về tinh thần sẵn sàng khi Tổ quốc cần, dù trong thời chiến hay thời bình của người dân quê hương mình. Nhưng mấy hôm trước, anh trai của S nhận được lệnh gọi nhập ngũ, S thấy anh có vẻ do dự, tâm trạng nặng nề không vui. S rất muốn nói những suy nghĩ của mình với anh trai. a) Em hãy nhận xét suy nghĩ của S. b) Nếu là S, em sẽ nói như thế nào với anh trai của mình?	

BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ*(3 tiết)***I. MỤC TIÊU****1. Về năng lực**

HS được phát triển các năng lực:

– *Giao tiếp và hợp tác*: Biết quan sát hình ảnh và ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận để làm rõ khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

– *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết nhận xét, đánh giá các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá; đề xuất được cách giải quyết, xử lý những trường hợp vi phạm.

– *Điều chỉnh hành vi*:

+ Đánh giá được hành vi đúng sai của mình và của người khác trong việc bảo vệ di sản văn hoá; nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.

+ Biết phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.

+ Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi.

– *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*:

+ Biết thu thập thông tin, tìm hiểu và nêu được thế nào là di sản văn hoá, một số loại di sản văn hoá của Việt Nam; giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

+ Biết thu thập, tìm hiểu một số biểu hiện thực hiện đúng pháp luật và các biểu hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá ở địa phương và ở nơi khác trong nước.

+ Lựa chọn, đề xuất và tham gia giải quyết được một số trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi ở trường, lớp và trong cộng đồng.

2. Về phẩm chất

– *Yêu nước*: Có ý thức tìm hiểu di sản văn hoá của đất nước; tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ di sản văn hoá.

– *Trách nhiệm*: Tôn trọng pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá; thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT *Giáo dục công dân 7*.
- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ.
- Hình ảnh/Slide chiếu các hình ảnh trong SGK, giấy A4, giấy A3, bút viết bảng, bút màu, băng keo/nam châm dính bảng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC



MỞ ĐẦU

Mở đầu tiết học, GV tổ chức cho HS hoạt động Khởi động, có thể theo cách như gợi ý trong SGK, hoặc tổ chức cho HS các hoạt động Khởi động khác như: tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”, trò chơi “Tiếp sức”,... GV có thể chuẩn bị hình ảnh về di sản văn hoá cho HS quan sát, thi tìm hiểu, hoặc chiếu video clip về di sản văn hoá cho HS quan sát, nhận biết.

Dưới đây là cách thiết kế để tổ chức hoạt động Khởi động theo hướng dẫn trong SGK.

Hoạt động 1. Khởi động

a) Mục tiêu

HS bước đầu huy động được vốn hiểu biết, kiến thức, kinh nghiệm của mình để kể tên được những di sản văn hoá của Việt Nam và thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở định hướng trong SGK, GV tổ chức cho HS cả lớp kể về những di sản văn hoá mà các em biết.

GV liệt kê những di sản văn hoá mà HS nêu đúng, loại bỏ những cái tên mà HS nêu chưa đúng. Từ đó, dẫn dắt HS vào bài học.



KHÁM PHÁ

Từ ngữ liệu trong SGK, GV có thể thiết kế thành các hoạt động tương ứng với từng đơn vị kiến thức để hình thành ở HS kiến thức, kỹ năng theo các yêu cầu cần đạt của bài học. GV sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau như: thảo luận nhóm, làm việc nhóm đôi, trực quan, dự án, đóng vai,...

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Khám phá.

Hoạt động 2. Tìm hiểu “Thế nào là di sản văn hoá?”

a) Mục tiêu

HS biết quan sát hình ảnh và sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận để làm rõ khái niệm di sản văn hoá.

b) Tổ chức thực hiện

– GV có thể sử dụng các hình ảnh như trong SGK hoặc các ảnh tương tự nhưng gắn với di sản văn hoá ở địa phương để thay thế.

– GV sử dụng phương pháp làm việc cá nhân và thảo luận nhóm.

– GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SGK trang 9, 10 hoặc chiếu lên màn hình các hình ảnh di sản văn hoá trong SGK. GV có thể thay thế bằng các hình ảnh khác phù hợp với vùng, miền, địa phương.

– GV chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Cá nhân: Quan sát 6 hình ảnh di sản văn hoá trong SGK trang 9, 10.

+ Thảo luận nhóm theo hai câu hỏi a, b SGK trang 10.

– HS làm việc cá nhân, quan sát từng hình ảnh, ghi nội dung làm việc cá nhân theo các nhiệm vụ được giao vào giấy nháp/giấy A4. Trao đổi thảo luận nhóm (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn). Ghi câu trả lời thống nhất của nhóm vào bảng nhóm hoặc giấy A3.

Sản phẩm: HS nêu được:

(1) Tên của các di sản văn hoá:

+ Ảnh 1: Chùa Một Cột ở Hà Nội; Ảnh 2: Chùa Cầu ở Hội An; Ảnh 3: Khu di tích Mỹ Sơn ở Quảng Nam; Ảnh 4: Đờn ca tài tử Nam Bộ; Ảnh 5: Hát Then (Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại); Ảnh 6: Hát Bài Chòi ở Quảng Nam.

– GV cũng có thể cho HS kể thêm một số di sản văn hoá khác trong cả nước hoặc ở địa phương mà các em biết.

(2) Đặc điểm chung của các hình ảnh trên:

+ Là những sản phẩm tiêu biểu về lịch sử, văn hoá của dân tộc.

+ Là những di sản văn hoá có lịch sử dài lâu, được duy trì, bảo vệ và tồn tại qua nhiều thế hệ.

+ Nói lên nền văn hoá của dân tộc qua những mốc thời gian khác nhau.

– HS treo bảng kết quả thảo luận nhóm; cử đại diện lên trình bày sản phẩm của nhóm và trả lời các câu hỏi của các nhóm khác đưa ra.

- HS trong lớp quan sát, lắng nghe kết quả trình bày của các nhóm, nhận xét và đặt câu hỏi (nếu có) cho các nhóm khác.
- GV nêu tiếp câu hỏi cho cả lớp: “Thế nào là di sản văn hoá?”.
- Một số HS trả lời, nêu khái niệm di sản văn hoá.
- GV chốt kiến thức: *Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.*

Hoạt động 3. Tìm hiểu các loại di sản văn hoá

a) Mục tiêu

HS biết thu thập thông tin và thảo luận để nêu được hai loại di sản văn hoá vật thể và phi vật thể; trình bày được những hiểu biết ban đầu về hai loại di sản văn hoá này.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Cá nhân: Đọc 5 sự kiện ứng với 5 di sản văn hoá thế giới của Việt Nam trong SGK trang 10.

(Để HS dễ nhận biết và có hứng thú trong thảo luận, GV có thể chuẩn bị và chiếu hình ảnh của 5 di sản văn hoá này.)

+ Trao đổi, thảo luận nhóm (nhóm 4 hoặc 6) theo hai câu hỏi trong SGK trang 10.

– HS làm việc cá nhân, đọc 5 thông tin sự kiện; ghi nội dung làm việc cá nhân theo các nhiệm vụ được giao vào giấy nháp/giấy A4.

– HS trao đổi, thảo luận nhóm (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn). Ghi câu trả lời thống nhất của nhóm vào bảng nhóm/giấy A3.

Sản phẩm:

(1) HS chỉ ra được sự khác biệt giữa 5 di sản văn hoá:

+ Các di sản văn hoá 1, 2 là các di sản được thể hiện bằng vật chất, nhìn thấy được ở một địa điểm cụ thể, gắn với một địa phương cụ thể.

+ Các di sản văn hoá 3, 4, 5 không thể hiện bằng vật chất, mà được nghe thấy bằng âm thanh như: Lời ca tiếng hát, bản nhạc, tiếng đàn, tiếng chiêng trống; có giá trị tinh thần, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

(2) HS nêu được di sản văn hoá được chia thành hai loại: Di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể. Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất, được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần, gắn với đời sống văn hoá của dân tộc qua các thời đại khác nhau.

– HS treo bảng kết quả thảo luận nhóm; cử đại diện giới thiệu sản phẩm của nhóm và trả lời các câu hỏi của các nhóm khác. HS trong lớp quan sát lắng nghe kết quả trình bày của các nhóm, nhận xét và đặt câu hỏi (nếu có) cho các nhóm khác.

– Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và chốt kiến thức theo SGK trang 11.

Hoạt động 4. Quan sát hình ảnh, nhận biết các loại di sản văn hoá

a) Mục tiêu

HS biết đọc, nghiên cứu thông tin, quan sát hình ảnh và sử dụng ngôn ngữ để thảo luận và trình bày để phân biệt được 4 di sản văn hoá qua 4 hình ảnh; làm rõ hình ảnh nào là di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; di sản văn hoá phi vật thể.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chiếu lên màn hình các hình ảnh di sản văn hoá trong SGK hoặc các hình ảnh sưu tầm khác.

– GV nêu nhiệm vụ cho HS:

+ Cá nhân: Đọc các thông tin và quan sát 4 hình ảnh ở SGK trang 11.

+ Thảo luận theo nhóm cặp đôi, nêu được di sản nào là di tích lịch sử; danh lam thắng cảnh; di vật, bảo vật quốc gia; di sản văn hoá phi vật thể. Giải thích vì sao.

– HS làm việc cá nhân, quan sát từng hình ảnh, ghi nội dung làm việc cá nhân theo các nhiệm vụ được giao vào giấy nháp. Trao đổi với bạn cặp đôi. Ghi câu trả lời thống nhất vào giấy A4.

Sản phẩm: HS nêu được:

+ Hình ảnh 1: Văn Miếu – Quốc Tử Giám là di tích lịch sử – văn hoá, vì đây là công trình có giá trị lịch sử – văn hoá to lớn đối với đất nước, là nơi thành lập trường đại học đầu tiên của Việt Nam.

+ Hình ảnh 2: Trống đồng Ngọc Lũ là cổ vật quốc gia, vì đây là hiện vật quý của đất nước, được lưu truyền lại từ 2 500 năm trước đây, có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học.

+ Hình ảnh 3: Vịnh Hạ Long là danh lam thắng cảnh, vì đây là cảnh quan thiên nhiên kì thú, có từ hàng triệu năm trước đây.

+ Hình ảnh 4: Không gian Văn hoá Công viên Tây Nguyên – Di sản văn hoá phi vật thể, vì đây là sản phẩm tinh thần, không gian văn hoá gắn với cộng đồng

các dân tộc Tây Nguyên, có giá trị lịch sử, văn hoá, thể hiện bản sắc của cộng đồng dân tộc Tây Nguyên, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng hình thức trình diễn.

– GV gọi đại diện một số nhóm cặp đôi trình bày kết quả thảo luận theo câu hỏi đã giao và trả lời các câu hỏi của các nhóm khác.

– Sau khi đại diện các nhóm cặp đôi trình bày, lớp góp ý, bổ sung, GV nhận xét và chốt câu trả lời trên bảng (GV chiếu bảng câu trả lời).

Hoạt động 5. Tìm hiểu ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội

a) Mục tiêu

HS biết tìm hiểu thông tin và sử dụng ngôn ngữ để thảo luận, trình bày và giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

– GV cho HS đọc thông tin: “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam vì sự phát triển bền vững”. Có thể đọc trước cả lớp, theo nhóm hoặc theo từng cá nhân.

– HS trả lời hai câu hỏi:

a) Thông tin trên cho thấy di sản văn hoá có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội?

b) Em hãy chia sẻ thêm hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hoá.

– HS đọc thông tin và làm việc theo nhóm đôi, tìm ra ý nghĩa của di sản văn hoá đối với việc giáo dục lịch sử, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam,... ghi kết quả làm việc chung của nhóm đôi vào giấy A4.

Sản phẩm: HS nêu được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội:

+ Di sản văn hoá là tài sản, thể hiện lịch sử, sự sáng tạo và bản sắc dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là niềm tự hào, làm cơ sở cho thế hệ sau phát huy và phát triển. Di sản văn hoá góp phần phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm phong phú kho tàng di sản văn hoá nhân loại.

+ Di sản văn hoá có ý nghĩa đối với mỗi người, làm cho mỗi người có thêm tình yêu đối với Tổ quốc. Di sản văn hoá góp phần làm cho xã hội phát triển lành mạnh, văn minh.

– GV mời một số đại diện nhóm đôi trình bày kết quả làm việc. Lớp lắng nghe, ghi chép, góp ý (nếu có).

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận theo SGK.

Hoạt động 6. Tìm hiểu quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá

a) Mục tiêu

HS biết quan sát hình ảnh tìm hiểu thông tin và sử dụng ngôn ngữ để thảo luận, trình bày được quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chiếu lên màn hình các hình ảnh di sản văn hoá trong SGK trang 13 hoặc các hình ảnh sưu tầm khác. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (nhóm 4 hoặc 6) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Cá nhân đọc thông tin Luật Di sản văn hoá trong SGK trang 12, 13; quan sát hình ảnh 5 di sản văn hoá trong SGK trang 13.

+ Thảo luận nhóm theo hai câu hỏi SGK trang 14:

a) Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành vi của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên.

b) Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào?

– HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, quan sát từng hình ảnh, ghi nội dung làm việc cá nhân theo các nhiệm vụ được giao vào giấy nháp/giấy A4. Trao đổi thảo luận nhóm (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn). Ghi câu trả lời thống nhất của nhóm vào bảng nhóm hoặc giấy A3.

Sản phẩm: HS nêu được:

a) Việc làm, hành vi của các tổ chức, cá nhân trong từng hình ảnh:

Hình 1: Thanh niên chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ – di tích lịch sử là việc làm bảo vệ di sản văn hoá.

Hình 2: Hát dân ca là việc làm bảo vệ, tôn trọng và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể.

Hình 3: Người thanh niên sờ đầu rùa ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là hành vi không tôn trọng di sản văn hoá, vi phạm quy định của pháp luật.

Hình 4: Các cá nhân, tổ chức đổ rác thải bên bờ vịnh Hạ Long làm ô nhiễm môi trường di tích lịch sử văn hoá – Danh lam thắng cảnh.

Hình 5: Viết chữ lên cột mốc Fanipan là hành vi xâm phạm di tích lịch sử – di sản văn hoá, trái quy định của pháp luật.

b) HS cần thể hiện thái độ không đồng tình, phê phán những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá. Cần trực tiếp ngăn chặn hoặc kịp thời báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn hành vi vi phạm.

– GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận theo câu hỏi đã giao và trả lời các câu hỏi của các nhóm khác.

– Sau khi đại diện các nhóm đôi trình bày, lớp góp ý, bổ sung, GV nhận xét và chốt câu trả lời trên bảng (GV chiếu bảng câu trả lời).



LUYỆN TẬP

Hoạt động 7. Rèn luyện bảo vệ di sản văn hoá

a) Mục tiêu

– HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.

– HS biết nhận xét, đánh giá các hành vi đúng, sai trong bảo vệ di sản văn hoá; không đồng tình, có thái độ phê phán các hành vi xâm phạm di sản văn hoá; có việc làm, hành vi bảo vệ di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi.

b) Tổ chức thực hiện

– GV phát Phiếu bài tập và giao nhiệm vụ cho HS.

– HS thảo luận theo cặp để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát HS làm việc và giúp đỡ HS khi cần thiết.

Sản phẩm: Hoàn thành Phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP

Họ tên HS: Lớp:

Bài 1. Theo em, những giá trị văn hoá nào dưới đây đã được công nhận là di sản văn hoá?

(Đánh dấu X vào ô em lựa chọn)

Tên giá trị văn hoá	Được công nhận là di sản văn hoá
A. Nhã nhạc cung đình Huế (Thừa Thiên Huế).	X
B. Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc (Hà Nội).	X
C. Công trình thủy điện Yaly (Gia Lai).	
D. Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng).	

Bài 3. Xử lý tình huống

Tình huống	Cách xử lý
Ở Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, trên nhiều công trình bị du khách viết, vẽ,... gây mất mỹ quan. Trên một số cây cột hàng trăm năm tuổi ở đình Tân Trào, một số người đã khắc tên, địa chỉ hoặc các hình trái tim, hoa lá,... Thậm chí có người để lại cả địa chỉ, số điện thoại, tài khoản mạng xã hội,... Không chỉ ở trên những công trình, vật dụng tại khu di tích, ngay cả các thân cây, tảng đá và một số bia trong khu di tích cũng bị viết, vẽ gây mất mỹ quan. a) Em đồng ý hay không đồng ý với những việc làm trên? Vì sao? b) Nếu gặp những người đang viết, vẽ như vậy, em có thể nói gì với họ?	a) Không đồng ý với những việc làm trên, vì đã viết, vẽ lên hiện vật ở Khu Di tích Tân Trào – Một Di tích lịch sử – văn hoá đặc biệt cấp Quốc gia. Đây là các hành vi của những người thiếu ý thức tôn trọng, bảo vệ di sản văn hoá, xâm phạm di sản văn hoá. b) Nếu gặp những người đang viết, vẽ như vậy, em sẽ nói họ dừng ngay hành vi này lại và giải thích là họ nên tôn trọng Di tích lịch sử – văn hoá, hành vi của họ là hành vi vi phạm quy định của pháp luật, vì đã xâm phạm di sản văn hoá.

– GV mời 2 – 3 cặp HS trình bày từng bài tập 1, 2 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

– GV mời 2 cặp HS ghi kết quả bài tập 3 lên bảng, để HS trao đổi, thống nhất về nội dung xử lý tình huống.

– GV nhận xét, kết luận về nội dung 3 bài tập trên. Các bài tập 4, 5 có thể giao cho HS làm ở nhà, hoặc có thể thực hiện trên lớp (nếu còn thời gian).

VẬN DỤNG

Hoạt động 8. Thực hiện bảo vệ di sản văn hoá

a) Mục tiêu

Lập được một kế hoạch chăm sóc di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng.

b) Tổ chức thực hiện

Vận dụng 1:

– GV hướng dẫn HS sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hoá thế giới ở Việt Nam để xây dựng thành tập san trưng bày tại lớp.

– HS lập kế hoạch thiết kế tập san (thực hiện trên lớp) và thực hiện theo kế hoạch (thực hiện ở nhà) với các công việc cụ thể như sau:

+ *Lập kế hoạch:* tạo nhóm, thống nhất ý tưởng (tên tập san, hình thức và bố cục trình bày), liệt kê các công việc cần làm (sưu tầm tư liệu, hình ảnh,...); phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thời gian hoàn thành.

+ *Thực hiện:* Thiết kế tập san (chú ý đến các tiêu chí: hình thức, nội dung, sự sáng tạo,...).

– HS thực hiện theo kế hoạch đã lập, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

Sản phẩm: Bản kế hoạch; sổ ghi chép của nhóm; tiến trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả của các thành viên; tập san.

– HS chia sẻ kết quả về quá trình thực hiện kế hoạch với các bạn trong lớp (có thể trong giờ GDCD hoặc giờ học nội dung giáo dục địa phương, hoặc giờ sinh hoạt lớp theo chủ đề).

– GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh tổ chức cho HS bình chọn ra khoảng 3 – 5 tập san hay nhất về nội dung, hình thức, chủ đề di sản văn hoá thế giới ở Việt Nam và trao phần thưởng cho những tập san này.

Vận dụng 2:

– GV hướng dẫn HS lập kế hoạch chăm sóc một di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh cụ thể ở địa phương (xã/phường/thị trấn; huyện/thị xã/thành phố; tỉnh/thành phố).

– HS có thể lập kế hoạch trên lớp hoặc ở nhà và thực hiện theo kế hoạch (thực hiện ngoài lớp học) với các công việc cụ thể như sau:

+ *Lập kế hoạch:* tạo nhóm, thống nhất kế hoạch (tên kế hoạch; nội dung kế hoạch; thời gian thực hiện; phân công thành viên thực hiện; thời gian hoàn thành).

+ *HS thực hiện theo kế hoạch đã lập.*

– HS ghi cụ thể nhật kí thực hiện kế hoạch; những đề nghị hỗ trợ (nếu cần). Các nhóm báo cáo kết quả thực hiện vào một thời điểm thích hợp do GV sắp xếp.

Sản phẩm: Kế hoạch chăm sóc một khu di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh ở địa phương.

Tổng kết bài học: GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



**BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7
Cánh Diều**

1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lý 7
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mỹ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

Cánh Diều

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập
website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com

ISBN: 978-604-337-438-4



9 786043 374384